

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST
Ngày 09-9-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Bích Hà
2. Ông Ksor Thul

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 826/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Mai Thùy T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số nhà 81 đường Phùng Hưng, tổ 07 phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. ***Có mặt***

2. ***Bị đơn:*** Anh Trần Nguyễn H, sinh năm 1982; địa chỉ: Số nhà 81 đường Phùng Hưng, tổ 07 phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. ***Vắng mặt.***

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-12-2019; bản tự khai ngày 19-12-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Mai Thùy T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Nguyễn H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 11 năm 2009 tại Ủy ban Nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh G (Giấy chứng nhận kết hôn số 121; quyển số 01, ngày 02-11-2009). Thời gian đầu chị và anh H sống hạnh phúc, thời gian sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên cờ bạc, không chí thú làm ăn, bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 04 năm 2019 đến nay chị và anh H đã sống ly thân, không còn quan tâm với nhau. Nay chị xét thấy tình cảm của chị đối với

anh H không còn yêu thương, quý trọng và chăm sóc nhau, nếu tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc, quan hệ hôn nhân giữa chị và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, nên chị yêu cầu được ly hôn anh Trần Nguyễn H.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Trần Nguyễn H có 02 con chung là cháu Trần Mai P, sinh ngày 14-8-2011 và cháu Trần Quốc H1, sinh ngày 30-5-2013. Hiện các cháu Trần Mai P, Trần Quốc H1 đang ở với chị nên khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con chung, chị yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng) cho 02 cháu.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T khai, chị và anh H tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 4 năm, trong thời gian này chị có biết anh H ham chơi nhưng vẫn đi đến hôn nhân với anh H. Thời gian đầu về chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó tính ham chơi của anh H vẫn như vậy, chị có khuyên giải để anh H chí thú làm ăn nhưng anh H không nghe, nay xét thấy chị và anh H không còn tình cảm, thương yêu nhau nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn anh H. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị có mở quán bán cafe hàng tháng thu nhập khoảng 20 triệu đồng, ngoài ra hiện chị và các con ở cùng nhà bố mẹ của chị, có sự hỗ trợ chăm sóc của ông bà ngoại đối với các con của chị, trường học của các con gần nhà bố mẹ chị, do đó chị có điều kiện chăm sóc các cháu sau khi ly hôn.

Tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Trần Nguyễn H và yêu cầu được nuôi 02 con chung. Nay chị T thay đổi, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục triệu tập hợp lệ bị đơn anh Trần Nguyễn H đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa hôm nay và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên bị đơn không có bản khai tại hồ sơ, lời khai tại phiên tòa.

Biên bản xác minh ngày 18-02-2020 tại tổ 07, phường H, thành phố P, tỉnh G thể hiện: Anh Trần Nguyễn H, sinh năm 1982, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại số nhà 81 đường Phùng Hưng, tổ 15 (nay là tổ 7), phường H, thành phố P, tỉnh G. Hiện nay, anh Trần Nguyễn H vẫn đi và về tại nơi cư trú này. Về mâu thuẫn của vợ chồng chị T anh H địa phương không biết cụ thể, là vì vợ chồng không báo cho chính quyền địa phương biết, chỉ biết được hiện nay chị T anh H đang sống ly thân với nhau. Về công việc của anh H, địa phương biết được hiện nay anh H là lao động tự do cho công ty tư nhân.

Tại biên bản làm việc ngày 06-02-2020 và ngày 16-7-2020 với các cháu Trần Mai P, cháu Trần Quốc H1 đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ khi bố mẹ ly hôn, vì lâu nay đều ở với mẹ và được mẹ chăm sóc tốt cũng như đảm bảo việc học tập hiện nay.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn chấp hành chưa đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thùy T được ly hôn với anh Trần Nguyễn H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Mai P, sinh ngày 14/8/2011 và cháu Trần Quốc H1, sinh ngày 30-5-2013 cho chị Mai Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Căn cứ Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Mai Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku giải quyết ly hôn đối với anh Trần Nguyễn H, có nơi cư trú tại tổ 07, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do đó, thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Nguyễn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Nguyễn H theo

quy định điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thùy T và anh Trần Nguyễn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 02-11-2009. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thùy T và anh Trần Nguyễn H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên cờ bạc, không chí thú làm ăn dẫn đến hai vợ chồng bất đồng quan điểm nên không thể tiếp tục sống chung được. Từ tháng 4 năm 2019 chị và anh H đã sống ly thân cho đến nay.

[4] Tại phiên tòa, chị T xác định tình cảm của chị đối với anh H không còn yêu thương, quý trọng nhau nữa. Trước đây, chị T có đơn ly hôn với anh H, trong đơn có thể hiện chữ ký của anh Trần Nguyễn H, nhưng vì chị T vẫn mong muốn quan hệ hôn nhân này tồn tại nên chưa gửi đến Tòa án, nhưng nay anh H vẫn ham chơi, không chí thú làm ăn dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nay chị T tiếp tục yêu cầu ly hôn anh H, nhưng kể từ ngày chị khởi kiện đến nay, anh H không có bản khai trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị, cũng như quyền yêu cầu nuôi con mà bỏ mặc không quan tâm đến, điều này thể hiện anh H không mong muốn quan hệ hôn nhân này tiếp tục tồn tại. Theo biên bản xác minh ngày 18-02-2020 tại tổ 7, phường H, thành phố P thể hiện: hiện nay vợ chồng chị T, anh H đang sống ly thân với nhau. Thực tế cho thấy giữa chị T, anh H vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vì vậy, Tòa án có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Thùy T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về nuôi con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Trần Mai P, sinh ngày 14-8-2011 và cháu Trần Quốc H1, sinh ngày 30/5/2013. Hiện nay 02 cháu đang ở cùng chị. Tại biên bản làm việc ngày 06/02/2020 với cháu P và ngày 16-7-2020 với cháu H1 là con chung của chị T, anh H thể hiện: Hiện nay cháu và chị gái cháu đang sống cùng với mẹ cháu tại số 81 Phùng Hưng, tổ 7 (tổ 15 cũ), phường H Thương, thành phố P, tỉnh Gia Lai, còn cha cháu bỏ đi nơi khác, hàng tháng cha cháu vẫn trở về thăm cháu và chị. Sau khi ly hôn các con chung của chị T, anh H đều có nguyện vọng được sống chung với chị T vì trong thời gian này các cháu được chị chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, đảm bảo các cháu phát triển về mọi mặt. Xét thấy, Chị T có đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con nên cần giao 02 cháu Trần Mai P và cháu Trần Quốc H1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị T khai anh H là lao động tự do cho công ty tư nhân có thu nhập ổn định. Qua xác minh ngày 18/02/2020 tại tổ 7, phường H, thành phố P thấy rằng anh H có mức thu nhập ổn định. Tuy nhiên,

hiện tại chị có công ăn việc làm bình thường, có thu nhập ổn định đủ điều kiện về kinh tế chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Hơn nữa, lâu nay các con đều ở với chị và do chị chăm sóc mà vẫn đảm bảo phát triển bình thường về mọi mặt, nên tại phiên tòa hôm nay chị T xin thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Mai Thùy T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thùy T.

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Mai Thùy T ly hôn anh Trần Nguyễn H.

2. *Về nuôi con chung:*

2.1. Giao 02 con chung là cháu Trần Mai P, sinh ngày 14-8-2011 và cháu Trần Quốc H1, sinh ngày 30-5-2013 cho chị Mai Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí:

Chị Mai Thùy T phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0002155 ngày 11-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị Mai Thùy T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP.Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Hội Thương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Công Tồn